

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2023/DS-ST**

Ngày: 11/05/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuôi
2. Ông Phạm Xuân Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P 1, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị C trình bày:

Từ tháng 12/2014 đến tháng 10/2019 bà có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Lê Thị N, khi mua bán thức ăn mỗi bên giữ một sổ theo dõi việc giao nhận, thời hạn thanh toán là khi heo xuất chuồng (khoảng 04 tháng). Hai bên chỉ

thỏa thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Trong quá trình mua bán bà N nhiều lần không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên từ tháng 11/2019 đến nay bà không còn bán thức ăn cho bà N nữa. Ngày 25/12/2022, hai bên chốt nợ thì bà N còn nợ số tiền 60.356.000 đồng và cam kết sẽ trả hết số tiền này trong thời hạn 30 ngày nhưng đến nay vẫn không thanh toán.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ thức ăn là 61.358.000 đồng, trong đó tiền gốc là 60.356.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/02/2023 là 1.001.910 đồng (làm tròn 1.002.000 đồng).

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà N là với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì bà không đồng ý.

Tại phiên Tòa bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền bà N còn nợ lại.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2023 bà Lê Thị N trình bày:

Khoảng năm 2014 thì bà có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà C, hình thức mua bán gói đầu, khi nào heo xuất chuồng sẽ trả (khoảng 4 tháng), khi mua bán hai bên có lập sổ theo dõi việc gia nhận thức ăn. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản. Hai bên mua bán một thời gian thì ngừng mua bán, thời gian ngừng mua bán thì bà không nhớ rõ, khi hai bên ngừng mua bán số tiền bà còn nợ lại bà C khoảng một trăm mấy chục triệu, bà đã trả cho bà C nhiều lần, hiện nay số tiền bà còn nợ bà C là 60.356.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thì bà thừa nhận còn nợ bà C số tiền gốc là 60.356.000 đồng, bà đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà C tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/02/2023 số tiền 1.002.000 đồng). Do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn nên bà xin trả dần số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Bị đơn bà Lê Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà C yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền thức ăn còn nợ là 60.356.000 đồng, bà N cũng thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả số này nên ghi nhận. Tại phiên tòa bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà N thì nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở ghi nhận.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 60.356.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Đặng Thị C Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua tài sản” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Lê Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

Bà C khởi kiện cho rằng giữa bà với bà N có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo với nhau, hai bên thực hiện việc mua bán đến tháng 10/2019 thì ngừng mua bán. Hiện nay, bà N còn nợ bà số tiền là 60.356.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N chưa thanh toán cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền trên. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là sổ theo dõi mua bán và tờ giấy nhận nợ không có tiêu đề có nội dung “ Cộng hòa xã hội...1.000.000”.

Bà N thừa nhận có thỏa thuận mua bán với bà C và hiện nay còn nợ bà C số tiền gốc là 60.356.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà C số tiền này. Đối với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì bà N thống nhất thừa nhận là đúng. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bà C yêu cầu bà N phải trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/02/2023), mức lãi suất 0.83%/tháng, trên số tiền gốc là 60.356.000 đồng với số tiền 1.002.000 đồng. Tại phiên tòa bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Mặc dù, tại phiên tòa bà N vắng mặt nhưng việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bà N và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định giữa bà C và bà N có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau và hiện nay số tiền bà N còn nợ bà C là 60.356.000 đồng, do đó, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền này.

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà N với số tiền trả là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi xong các khoản nợ do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thấy rằng, yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án, thuộc giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: $60.356.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.017.000 \text{ đồng}$ bà N phải chịu.

Hoàn lại cho bà Đặng Thị C số tiền tạm ứng án phí là 1.534.000 đồng theo biên lai thu số 0004605 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị C đối với bà Lê Thị N.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị C số tiền 60.356.000 đồng (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.017.000 đồng bà Lê Thị N phải chịu.

Hoàn lại cho bà Đặng Thị C số tiền tạm ứng án phí là 1.534.000 đồng theo biên lai thu số 0004605 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Yến